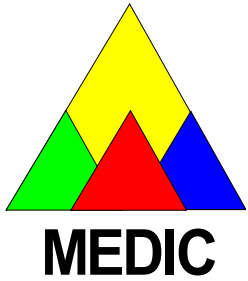


U BUỒNG TRỨNG VÀ HUYẾT KHỐI TĨNH MẠCH CHẬU CHUNG - TĨNH MẠCH CHỦ DƯỚI

CASE REPORT

Bs. Nguyễn Xuân Hoàng

Khoa Siêu Âm – PKĐK Hòa Hảo TPHCM



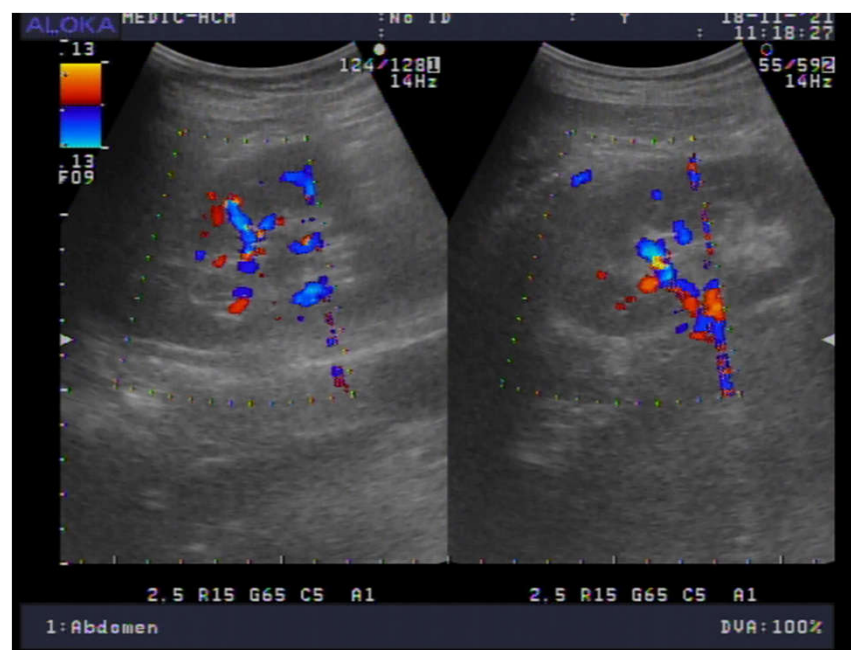
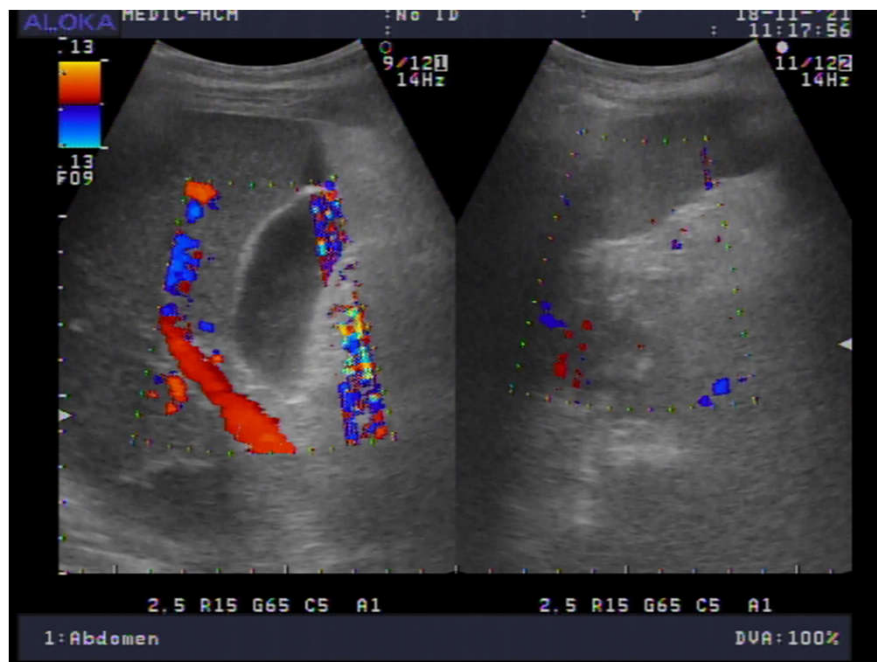
BỆNH ÁN

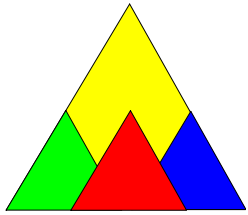
- Bệnh nhân nữ, 49 tuổi, ở TPHCM, khám ngày 18/11/2021
- Lý do đến khám: ăn không tiêu, đầy bụng, bụng lớn





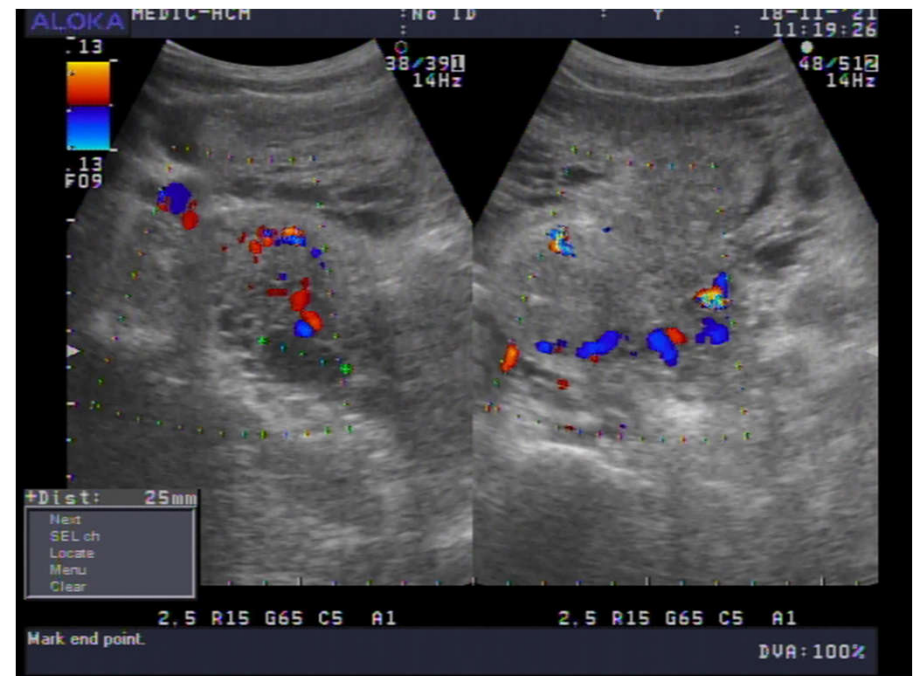
SIÊU ÂM bụng

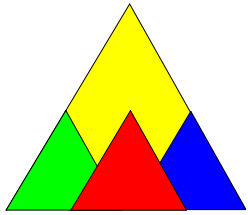




MEDIC

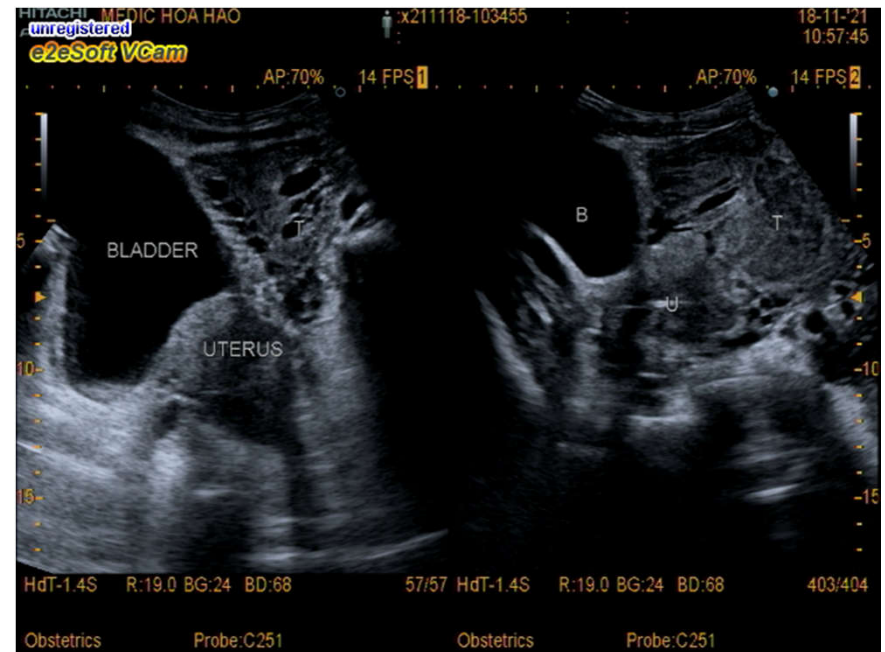
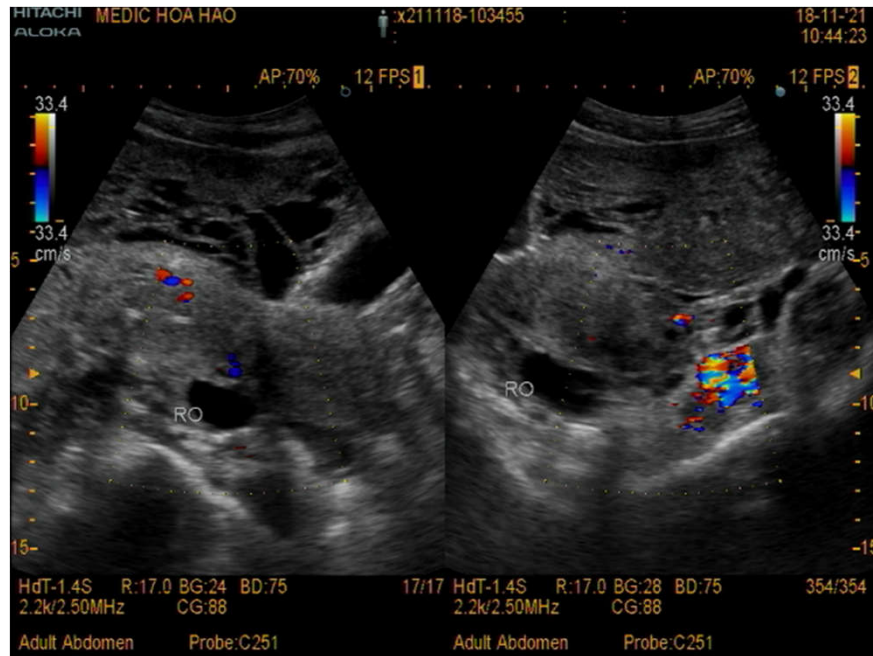
SIÊU ÂM bụng





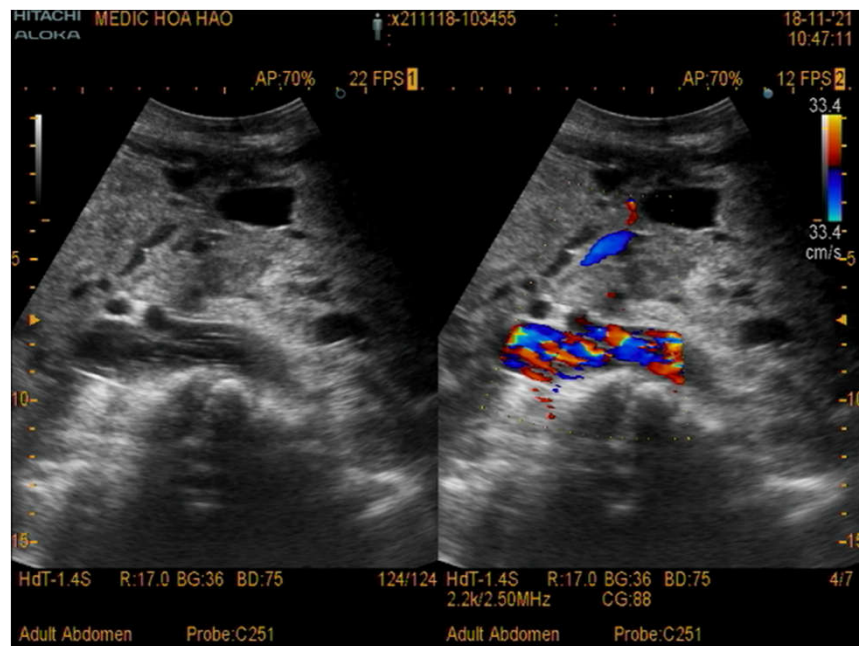
MEDIC

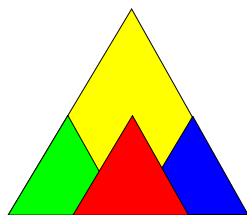
SIÊU ÂM bụng





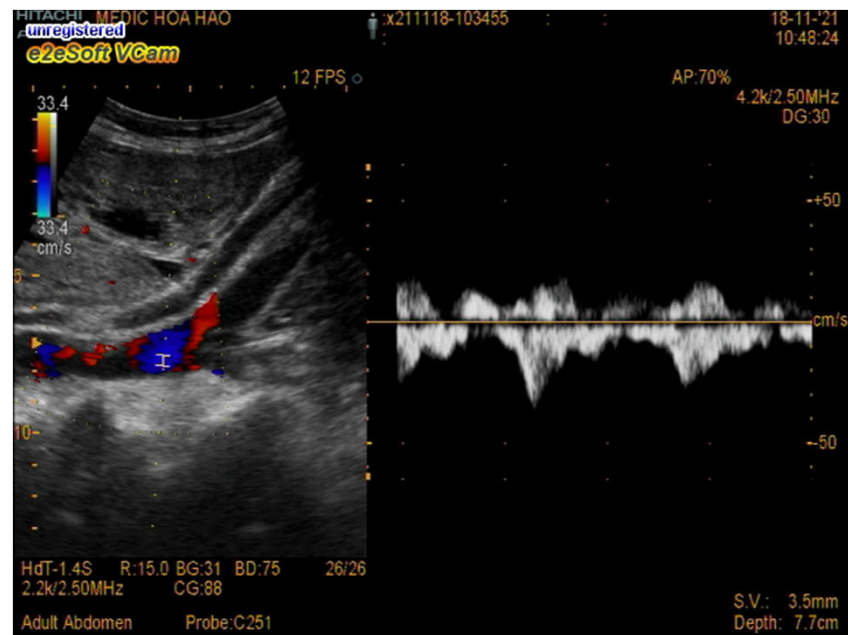
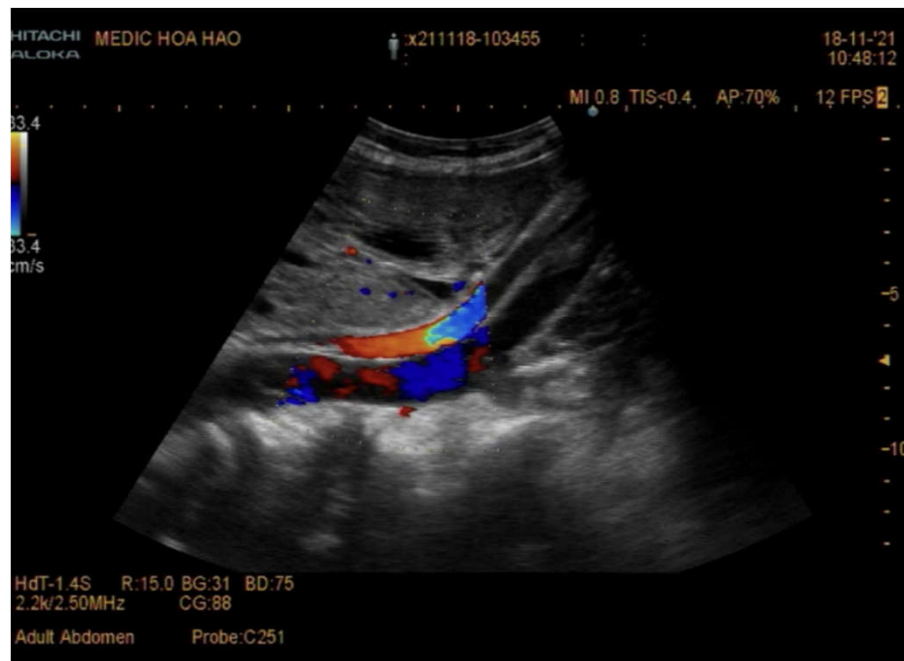
SIÊU ÂM bụng





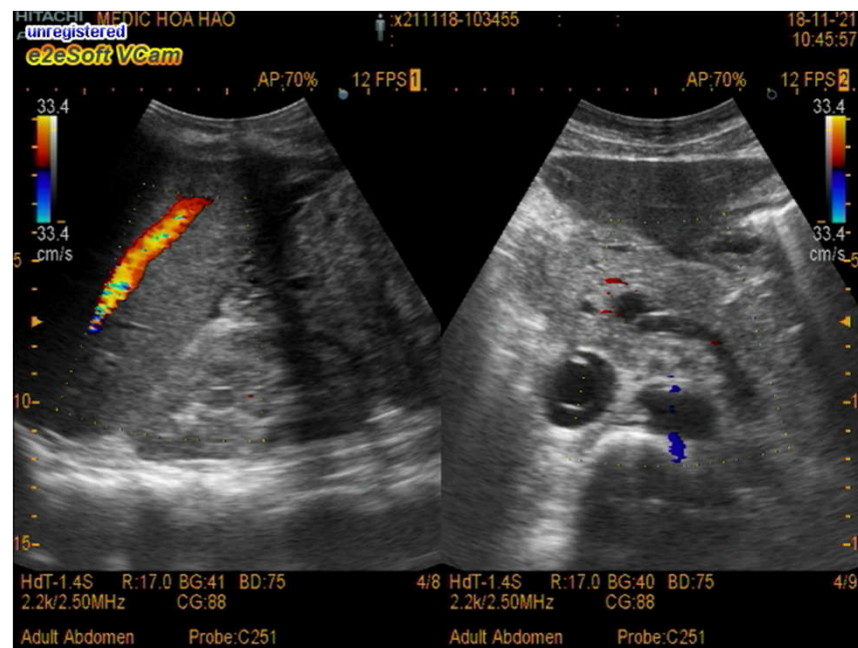
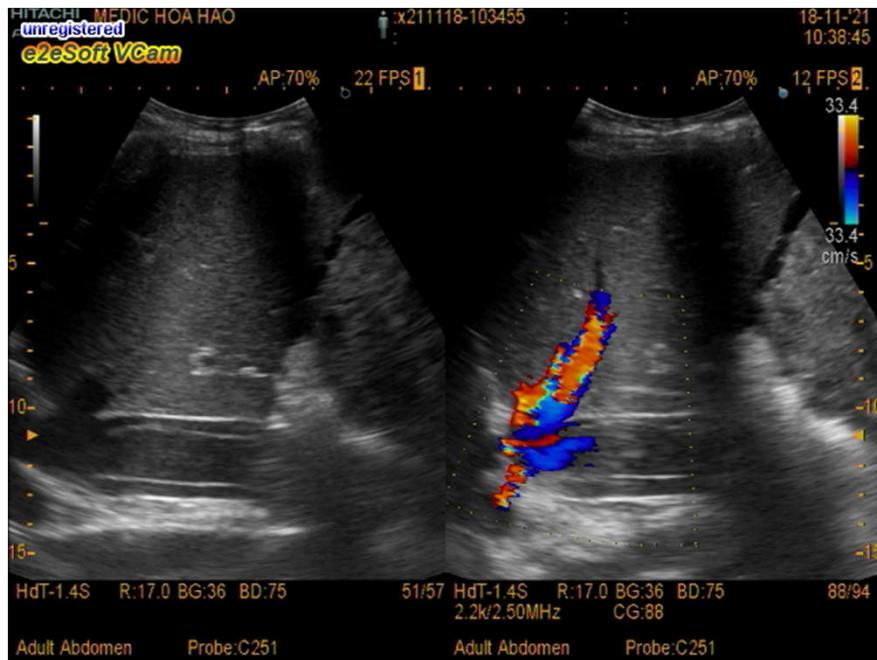
MEDIC

SIÊU ÂM bụng



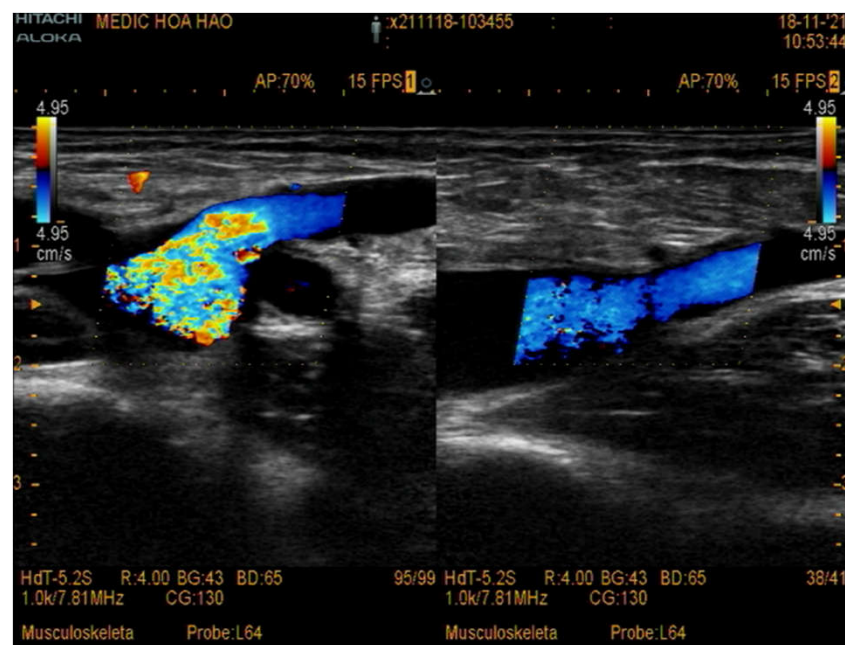


SIÊU ÂM bụng





SIÊU ÂM bụng





VIDEO siêu âm huyết khối TM chậu chung - TMCD



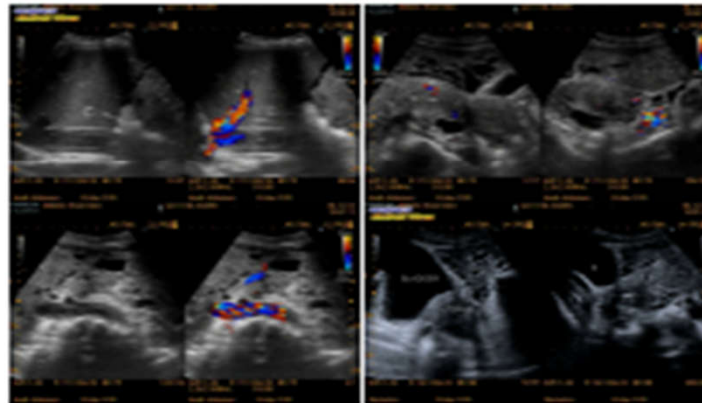


Kết luận siêu âm

ID : 6514428 Ngày ĐK: 18/11/2021 09:43
Họ và tên : [REDACTED] 49 tuổi Nữ
Địa chỉ : [REDACTED] Tân Hòa Đông, P. 14, Q.6, Tp. HCM – [REDACTED]
Lâm sàng : AN KHÔNG TIÊU, ĐẦY BỤNG
BS chỉ định : BS. CKI. NGUYỄN THỊ KIM THUY BV chỉ định : MEDIC

VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc đồng dạng, không sang thương khu trú.- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.- TỤY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: không to, đồng dạng.- THẬN P +T: không sỏi, không ứ nước.- BÀNG QUANG: không sỏi, không bướu, vách mỏng.- Tử cung: vòng tránh thai đúng vị trí, nang naboth cổ tử cung 12mm, Buồng trứng (P) có nang 25mm, thành mỏng. Buồng trứng (T) không quan sát thấy. Vùng hạ vị và ổ bụng có khối echo hỗn hợp, doppler (+), phổ động, tĩnh mạch, khối này bao quanh tử cung, đẩy tử cung và bàng quang lệch phải, đẩy các quai ruột lên trên và sang hai bên. Ghi nhận dẫn tĩnh mạch chủ dưới và có huyết khối trong lòng tĩnh mạch chậu chung hai bên và tĩnh mạch chủ dưới, không có huyết khối tĩnh mạch đùi, và tĩnh mạch gan- Động mạch chủ bụng không phình.- Ascites (+). Tràn dịch màng phổi hai bên, lượng ít.



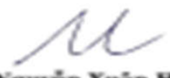
KẾT LUẬN:

NANG BUỒNG TRỨNG (P) - NANG NABOTH CỔ TỬ CUNG - HUYẾT KHỐI TĨNH MẠCH CHẬU CHUNG + TĨNH MẠCH CHỦ DƯỚI / KHỐI U HẠ VỊ - Ổ BỤNG NGHỈ TỬ BUỒNG TRỨNG TRÁI - DỊCH Ổ BỤNG + MÀNG PHỔI HAI BÊN LƯỢNG ÍT

Đề nghị:

KẾT HỢP CÁC PHƯƠNG TIỆN CHẨN ĐOÁN KHÁC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18/11/2021 11:10
(Bác sĩ đã ký)


Bs. Nguyễn Xuân Hoàng



XÉT NGHIỆM

Đơn vị: Medic	BS yêu cầu: NGUYỄN.T.K.THÚY (PK.TQ)		
Nơi lấy mẫu:	Tình trạng mẫu: Đạt		
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu			
TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
I. HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION			
NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)	*		
WBC	7.27	(4.0-10.0)10 ⁹ /L	QTHH019
% Neu	52.1	(40 - 74 %)	
% Lym	32.2	(19 - 48 %)	
% Mono	13.0	(3 - 9 %)	
% Eos	1.6	(0 - 7 %)	
% Baso	0.6	(0 - 1.5 %)	
# Neu	3.78	(1.7 - 7.0) 10 ⁹ /L	
# Lym	2.34	(1.0 - 4.0) 10 ⁹ /L	
# Mono	0.94	(0.1 - 1.0) 10 ⁹ /L	
# Eos	0.12	(0 - 0.5) 10 ⁹ /L	
# Baso	0.05	(0 - 0.2) 10 ⁹ /L	
RBC	5.71 H	(3.80 - 5.60)10 ¹² /L	QTHH020
Hb	12.6	(12 - 18 g/dL)	QTHH025
Hct	39.3	(35 - 52 %)	
MCV	69.0 L	(80 - 97 fL)	
MCH	22.1 L	(26 - 32 pg)	
MCHC	32.0	(31 - 36 g/dL)	
RDW	15.1	(11.0 - 15.7%)	
PLT	218	(130 - 400)10 ⁹ /L	QTHH021
MPV	7.6	(6.30 - 12.0 fL)	
II. VI SINH/NƯỚC TIỂU THƯỜNG QUI - MICROBIOLOGY/URINE ANALYSIS			
URINARY ANALYSIS:	*		QTVS044
1)Chemistry (Sinh Hóa) :	*		
Glucose	NEG	(mmol/L)	
Bilirubin	NEG	(μmol/L)	
Ketone	NEG	(mmol/L)	

Đơn vị: <i>Medic</i>	BS yêu cầu: NGUYỄN.T.K.THÚY (PK.TQ)		
Nơi lấy mẫu:	Tình trạng mẫu: Đạt		
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu			
TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Spe-Gravity	1.012	(1.005-1.030)	
Blood	<i>POS</i>	(NEGATIVE)	
pH	5.5	(4.6-8.0)	
Protein	NEG	(g/L)	
Urobilinogen	NEG	(μmol/L)	
Nitrite	NEG	(NEGATIVE)	
Leucocytes	NEG	(NEGATIVE)	
Color	Yellow		
Clarity	Clear		
2)Urine Sediment (Cặn Lắng):	.	(particles/μL)	
Red Blood Cells	<i>131 H</i>	(0 - 15)	
Leucocytes	11	(0 - 15)	
Calcium oxalate monohydrate	0	(0 - 6)	
Calcium oxalate dihydrate	0	(0 - 6)	
Amor.Phosphate	0	(0 - 6)	
Uric acid	0	(0 - 6)	
Casts	0	(0 - 6)	
Epithelial Cells	<i>51 H</i>	(0 - 10)	
Bacteria	8	(0 - 130)	
III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY			
HbA1C (HPLC):	*		QTSH012
HbA1c (IFCC)	27.54	(21.3 - 47.5 mmol/mol)	
HbA1c (NGSP)	4.67	(4.10 - 6.50 %A1C)	
IONOGRAMME ² :	*		QTSH067
Na	139.0	(130 - 145 mmol/L)	
K	3.79	(3.40 - 5.1 mmol/L)	
Ca	2.30	(2.1 - 2.80 mmol/L)	
Cl	106.0	(96 - 108 mmol/L)	



XÉT NGHIỆM

Đơn vị: Medic
Nơi lấy mẫu: BS yêu cầu: NGUYỄN.T.K.THÚY (PK.TQ)
Loại mẫu: Máu/N.Tiểu Tình trạng mẫu: Đạt

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
Glucose (FPG) ¹	5.73	(3.90 - 5.90 mmol/L)	QTSH001
GGT ¹	32.62	(M < 55 U/L; F < 36 U/L)	QTSH004
SGOT (AST) ¹	77.84 H	(< 35 U/L)	QTSH005
SGPT (ALT) ¹	61.03 H	(3 - 30 U/L)	QTSH013
hs CRP	6.04 H	(≤ 3 mg/L)	QTSH028
Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)	*		
Creatinin/Serum ²	0.800	(M: 0.6 - 1.3; F: 0.5 - 1.1 mg/dL)	QTSH027
eGFR (CKD-EPI)	87	(≥ 90 mL/min/1.73 m ²)	
LDL Cholesterol ²	1.87	(< 3.60 mmol/L)	QTSH093
Triglycerides ¹	0.772	(0.5 - 2.30 mmol/L)	QTSH015
IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY			
TSH 3-Ultra (Siemens) ¹	1.33	(0.51 - 4.94 µIU/mL)	QTMD009
Free T4 ²	1.19	(0.71 - 1.85 ng/dl)	QTMD036
Troponin-I hs (Abbott) ¹	2.20	(M < 34.2 ng/L, F < 15.6 ng/L)	QTMD011.1

In lần 2 : 15:21:26 07/02/2022
Khoa Xét nghiệm
ThS.BS. Nguyễn Bảo Toàn

Nơi lấy mẫu: Sang Lọc BS yêu cầu: NGUYỄN.T.K.THÚY (PK.TQ)
Loại mẫu: Máu/D.Tỷ hầu Tình trạng mẫu: Đạt

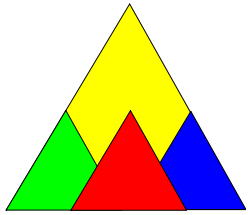
TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU	MÃ QT
I. HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION			
D.Dimer ²	6653 H	(< 500 ng/mL)	QTHH026
II. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY			
NT - ProBNP II ²	1687 H		QTMD172
< 75 years old	.	(≤ 125 pg/mL)	
≥ 75 years old	.	(≤ 450 pg/mL)	
KN nhanh kháng nguyên SARS CoV-2	Âm tính	ÂM TÍNH	
(Dịch tỷ hầu)	.		

In lần 2 : 15:21:20 07/02/2022
Khoa Xét nghiệm
ThS.BS. Nguyễn Bảo Toàn



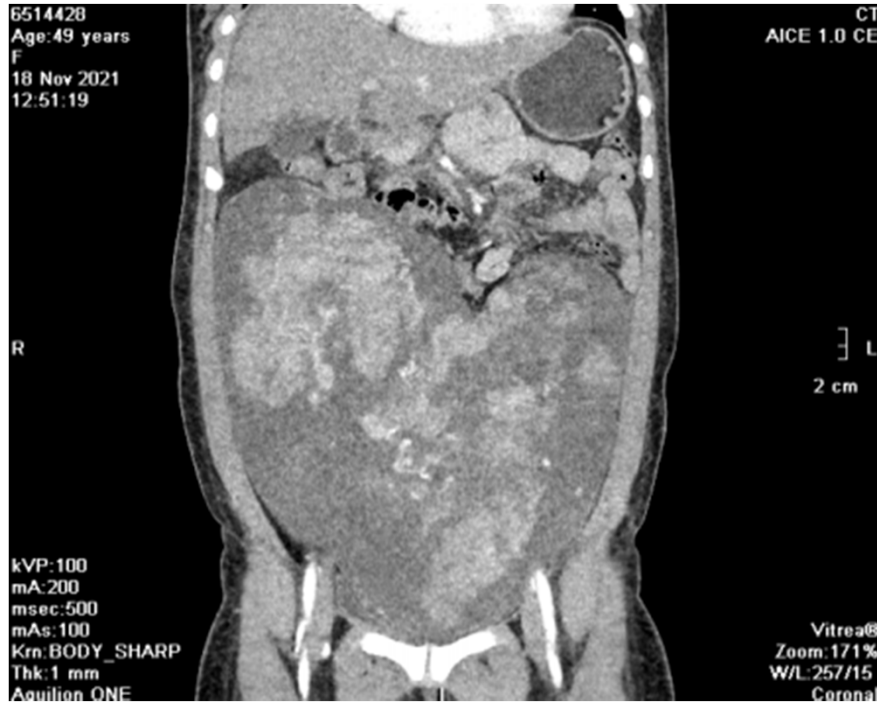
SIÊU ÂM tim: có sùi trên van 3 lá





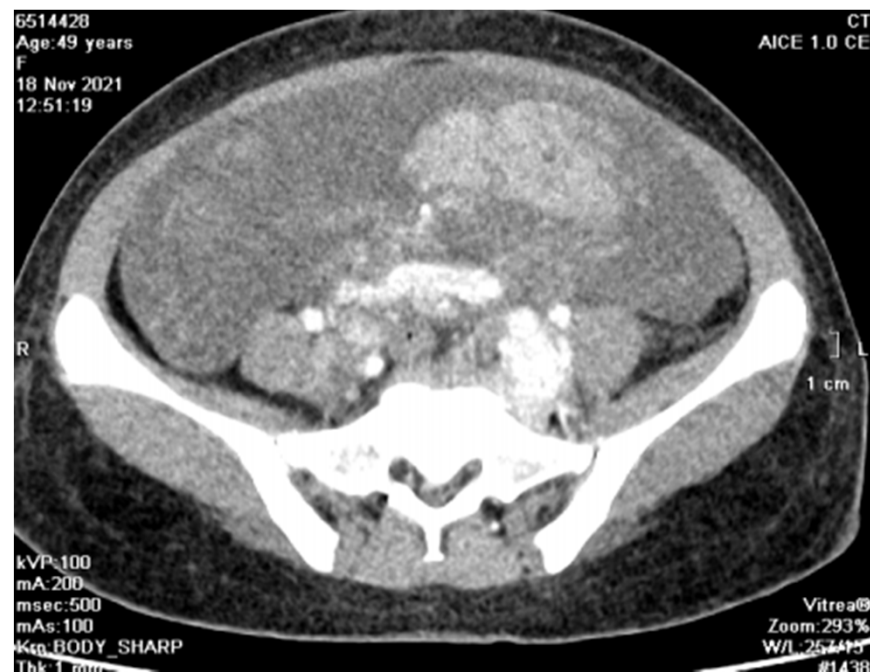
MEDIC

MSCT toàn thân



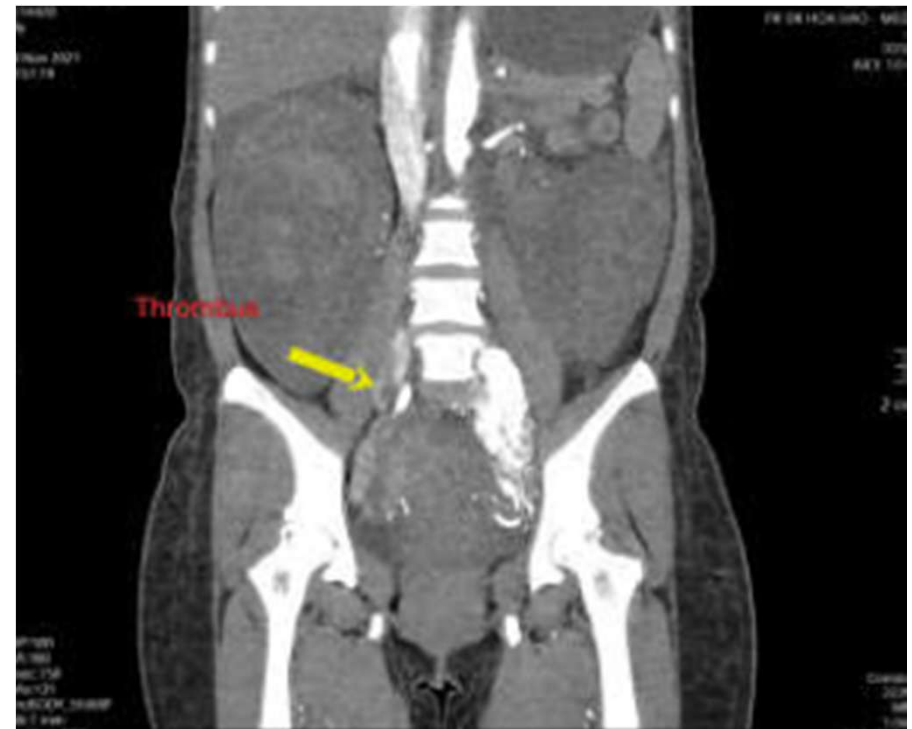
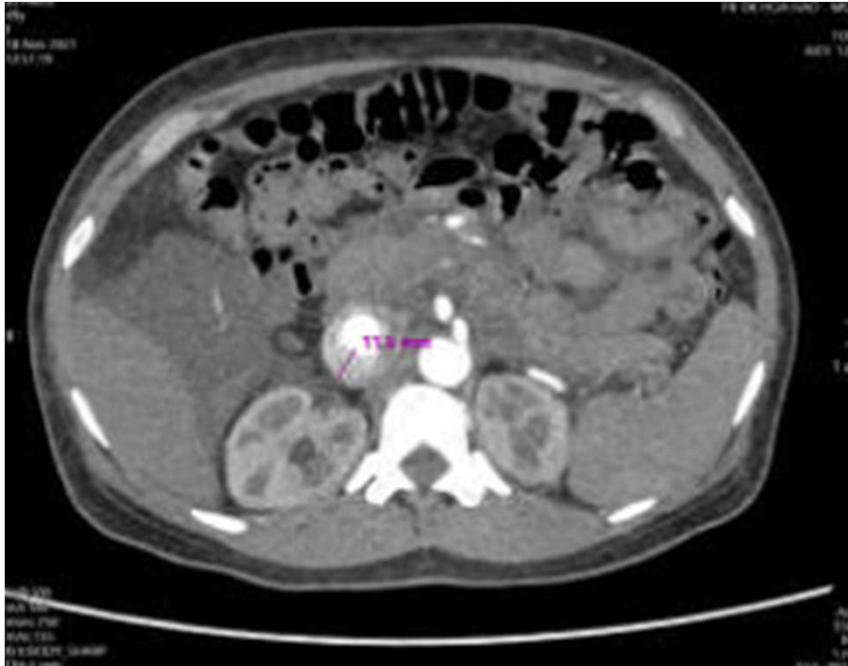


MSCT toàn thân



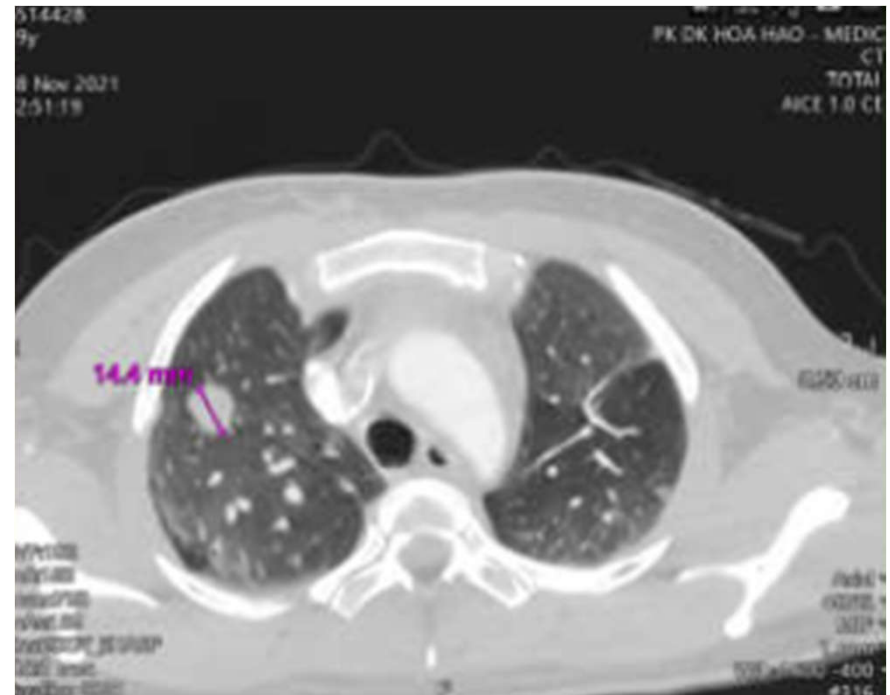
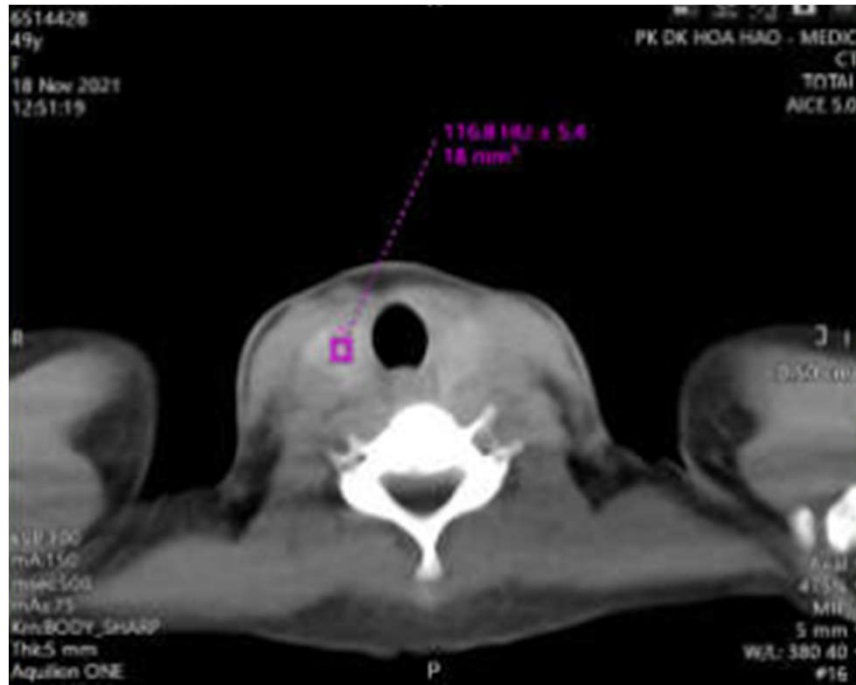


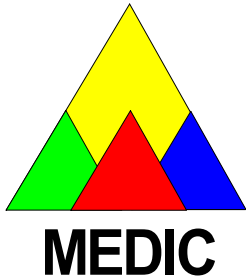
MSCT toàn thân





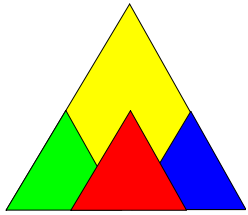
MSCT toàn thân





Kết luận MSCT toàn thân

- Carcinomatosis ổ bụng từ K buồng trứng di căn hai phổi và hạch trên đòn
- Huyết khối tĩnh mạch chủ dưới, chậu chung và chậu trong phải
- Không thấy tắc động mạch phổi
- Không thấy rõ huyết khối trong các buồng tim



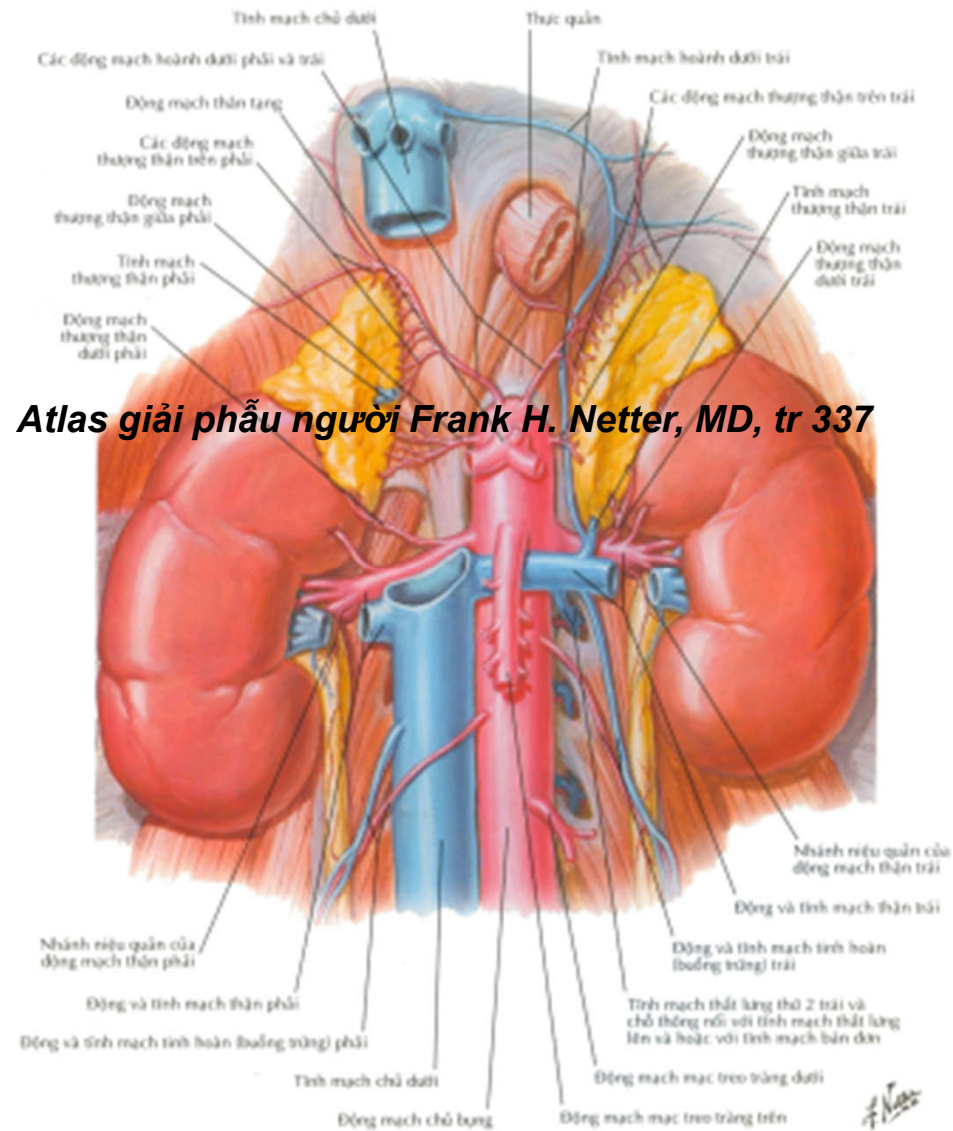
MEDIC

ĐIỀU TRỊ

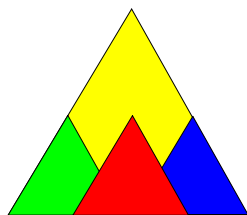
- BỆNH NHÂN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CHUYỂN VIỆN ĐIỀU TRỊ
- BỆNH NHÂN KHÔNG MUỐN, VỀ NHÀ KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ BẰNG THUỐC NAM
- HIỆN TẠI KHÔNG LIÊN LẠC VỚI BỆNH NHÂN ĐƯỢC NỮA



BÀN LUẬN



Atlas giải phẫu người Frank H. Netter, MD, tr 337

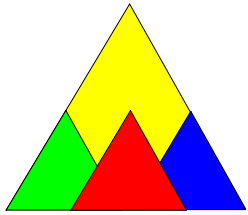


MEDIC

BÀN LUẬN

Ung thư nguyên phát	Tại chỗ	Tại vùng	Di căn xa
Tụy	4,3	5,3	19,7
Dạ dày	2,7	3,9	12,9
Thận	1,2	3,9	8,0
Bàng quang	0,7	2,7	7,6
Tử cung	0,9	1,6	6,2
Phổi	1,1	2,3	5,2
Đại/Trực tràng	0,9	2,3	4,6
Melanome	0,2	1,0	4,6
Buồng trứng	0,6	2,1	3,8
Lymphoma	2,0	3,5	2,9
Vú	0,6	1,0	2,8

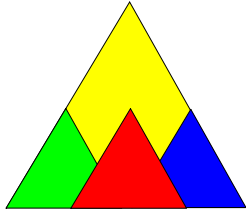
Tỉ lệ % thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch sau khi được chẩn đoán ung thư nguyên phát (GS.TS. Mai Trọng Khoa, Trung tâm y học hạt nhân và Ung bướu, Bệnh viện Bạch Mai)



MEDIC

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

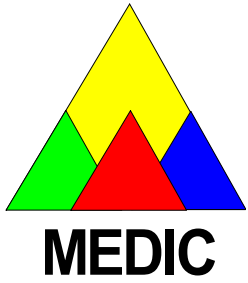
- HUYẾT KHỐI TĨNH MẠCH CHỦ DƯỚI / TĨNH MẠCH SÂU TRÊN SIÊU ÂM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BỆNH LÝ KHỐI U THƯỜNG GẶP Ở CÁC CƠ QUAN NHƯ TỤY, THẬN, ĐƯỜNG TIÊU HÓA, TIỀN LIỆT TUYẾN...
- VỚI BỆNH LÝ KHỐI U BUỒNG TRỨNG TRÊN SIÊU ÂM CHƯA GẶP/ RẤT ÍT GẶP → KHI GẶP TÌNH HUỐNG NÀY CẦN KIỂM TRA KỸ THÊM BUỒNG TRỨNG HAI BÊN TRÁNH BỎ SÓT



MEDIC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- <https://www.ungthubachmai.com.vn/ao-to/item/2438>
- *Atlas giải phẫu người Frank H. Netter, MD, tr 337*



XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN!